

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT AN NHƠN TÂY
Số: 501/KH-THPT.ANT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai, phân công thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số

Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Trường THPT An Nhơn Tây xây dựng Kế hoạch triển khai, phân công thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, các quy định liên quan về chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, của Trường THPT An Nhơn Tây nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, tận dụng tốt thời cơ cách mạng công nghệ lần thứ tư.

- Nhằm thực hiện tốt chủ đề của năm học 2024-2025 “**Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh**”.

- Đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số từng năm học của nhà trường để xác định được điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục, cung cấp thông tin và hỗ trợ các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra tại Chương trình Chuyển đổi số của quốc gia của Ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động sức mạnh tổng thể, giúp quá trình triển khai được thuận lợi, đồng bộ.

- Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh, góp phần xây dựng Trường THPT An Nhơn Tây hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho Thành phố theo định hướng kinh tế số.

- Cụ thể hóa, tích hợp nhiệm vụ tự đánh giá mức độ chuyển đổi số vào kế hoạch nhà trường từng năm học, đảm bảo đồng bộ với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xây dựng phương án cải tiến nâng cao chất lượng theo từng chỉ số, phù hợp với thực tế và yêu cầu phát triển của nhà trường.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Thực hiện triển khai sâu rộng, hiệu quả đến cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh; Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh và Kế hoạch Triển khai Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Thi đua xây dựng trường học số, Công trình 50 trường học số chào mừng Kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025).

- Đến năm 2025, Trường THPT An Nhơn Tây ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị (từ quản lý học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý đến quá trình học tập, thời khóa biểu, cơ sở vật chất, thu học phí không dùng tiền mặt,...) đồng bộ với hệ thống dữ liệu của Ngành.

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho nhà trường theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Trường khai thác hiệu quả các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet; 100 % học sinh của trường được tiếp cận internet và kho học liệu trực tuyến; hoàn thành việc xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống dạy - học trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến), kiểm tra - đánh giá. Trang thông tin điện tử của trường cung cấp đầy đủ thông tin (cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ,...) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tập trung chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử, cổng dịch vụ công và một cửa điện tử, thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4; xây dựng nền quản lý giáo dục thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

III. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỊNH HƯỚNG TRONG VIỆC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC

1. Nguyên tắc chung

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chính quyền điện tử, chính phủ số và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Thành phố và của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chú trọng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), các hệ thống IoT và các công nghệ giáo dục thông minh,... góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dạy - học, tạo điều kiện tốt nhất để học sinh học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Góp phần xây dựng hệ thống Giáo dục và Đào tạo Thành phố hiện đại nhằm cùng Thành phố thực hiện thành công Chương trình chuyển đổi số Thành phố Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyên tắc về công nghệ

- Phù hợp với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Kế hoạch số 4725/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định; Hướng dẫn của Sở, Bộ; phù hợp tổng thể về Công nghệ thông tin của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tận dụng tối đa các công nghệ hiện đại trên nguyên tắc bảo đảm tính trung lập về kỹ thuật công nghệ, ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn mở, công nghệ mở, mã nguồn mở.

- Công nghệ đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao; đảm bảo về mặt tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai từng giai đoạn để đảm bảo giáo viên trong đơn vị, cha mẹ học sinh và học sinh thích ứng với thay đổi.

- Có các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin đầy đủ cho các thành phần trong mô hình giáo dục thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục theo lộ trình phù hợp.

3. Nguyên tắc về dữ liệu

- Dữ liệu là nền tảng quyết định trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng giáo dục thông minh. Dữ liệu cần được kế thừa, phát triển và lưu trữ lâu dài, là tài nguyên cốt lõi để triển khai chuyển đổi số. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý cơ sở dữ liệu.

- Dữ liệu hình thành trong hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần vào dữ liệu của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố là tài sản của Ngành và của Thành phố; được quản lý bởi Ngành Giáo dục và Đào tạo, được chia sẻ dùng chung nhằm

phục vụ các hoạt động của Ngành cũng như của cơ quan nhà nước hướng đến việc phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh, người dân.

- Dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn mở, đảm bảo tính đồng bộ vận hành, tránh đầu tư trùng lặp. Tất cả các dự án mới phải nghiên cứu khả năng chia sẻ và mở rộng trên nền tảng hạ tầng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng hiện hữu.

- Đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao: tuân thủ phương châm tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai theo từng giai đoạn để đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh, người dân, doanh nghiệp và chính quyền có thời gian thích ứng thay đổi.

4. Huy động nguồn lực

- Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục cần huy động mọi nguồn lực trong đó nguồn lực từ Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố là then chốt, là quyết định và nguồn lực xã hội hóa là động lực.

- Luôn tạo cơ hội để khuyến khích hợp tác sáng tạo; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách và hành lang pháp lý để triển khai các mô hình cộng tác để cùng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số giáo dục.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, CNTT trong lĩnh vực giáo dục.

- Tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh, học sinh cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (website, mạng xã hội) để hỗ trợ giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

- Xây dựng quy trình về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trong phạm vi toàn trường. Biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục.

1.2. Xây dựng các văn bản hướng dẫn, điều hành

- Xây dựng các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu trong Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Hướng dẫn về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn, quy định về xác thực điện tử trong Ngành Giáo dục và Đào tạo

1.3. Phát triển cơ sở dữ liệu giáo dục

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên Ngành trên nguyên tắc cơ sở dữ liệu được tập trung được lưu trữ một cách có hệ thống và lâu dài. Cơ sở dữ liệu giáo dục do Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý, vận hành và khai thác.

- Ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên Ngành và là nền tảng để triển khai các ứng dụng trực tuyến.

- Phát triển nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu về Giáo dục và Đào tạo, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu giáo dục và các hệ thống giáo dục chuyên Ngành khác.

- Xây dựng và phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong nhà trường kết nối Ngành Giáo dục và Đào tạo và mạng thông tin giáo dục quốc gia cũng như hệ sinh thái dữ liệu số Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Xây dựng nền tảng số

Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố gồm các thành phần chính như:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.
- Kết nối thanh toán điện tử.
- Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính.
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu giáo dục.
- Liên thông các hệ thống thông tin.
- Triển khai hệ thống chữ ký số, chữ kí điện tử trong toàn trường. Phát triển các nền tảng ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.
- Hoàn thành cơ sở dữ liệu giáo dục, ứng dụng các công nghệ thông minh để phân tích số liệu về hoạt động giáo dục kịp thời, chính xác, giúp báo cáo, dự báo chính xác từ đó tham mưu xây dựng các chính sách giáo dục phù hợp.
- Cung cấp công cụ, phương tiện cho phép cá nhân có thể đánh giá, chấm điểm hoặc đóng góp ý kiến đối với nền tảng số của ngành.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Nhà trường triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.
- Phát triển, hoàn thiện chữ ký số trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Trường THPT An Nhơn Tây (bao gồm việc xác thực trên thiết bị di động). Tiến tới phát triển, hoàn thiện hệ thống xác thực chữ ký số.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia các lớp đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động,... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục. Bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ vận hành, khai thác dữ liệu trong việc vận hành và triển khai các ứng dụng CNTT trong giáo dục.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý qua các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên.

2. Giải pháp

2.1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động điều hành và quản lý giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và hướng đến học sinh.

- Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý trong nhà trường và triển khai ứng dụng hồ sơ điện tử: sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, sổ đăng bộ; thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa cha mẹ học sinh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của nhà trường.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu Ngành Giáo dục tại địa chỉ:

+ <http://csdl.moet.gov.vn>;

+ <https://csdl.hcm.edu.vn>, <https://thidukhenthuong.hcm.edu.vn>;

+ <https://temis.csdl.edu.vn/temis>, <https://chuyendoiso.hcm.edu.vn/>;

+ <https://dti.hcm.edu.vn>,

+ <https://qlns.hcm.edu.vn>, ..., <https://vpdt.hcm.edu.vn> theo các hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo tất cả các báo cáo dữ liệu đầy đủ chính xác và đúng thời hạn.

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến, ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu.

- Vận hành hiệu quả Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông giữa Sở với nhà trường thông qua web: <https://csdl.hcm.edu.vn/>, <https://vpdt.hcm.edu.vn>

- Tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

- Triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục tại các địa cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo: <https://moet.gov.vn>, <https://thituyensinh.vn>, <https://csdl.hcm.edu.vn/>, kho bài giảng e-learning tại địa chỉ <https://elearning.moet.edu.vn>, cổng thông tin điện tử: <https://thptannhontay.hcm.edu.vn>, <https://megaschool.edu.vn/>.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua Internet; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS); thực hiện tốt đánh giá Chuẩn nghề nghiệp CBQL, giáo viên qua hệ thống TEMIS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2.2. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá

- Tăng cường áp dụng hình thức dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện, nhu cầu của nhà trường, đóng góp hoàn thành kế hoạch năm học cụ thể:

+ Tiếp tục sử dụng <https://megaschool.edu.vn> để lập các lớp học trực tuyến cố định.

+ Tập huấn cho giáo viên, cán bộ lớp kỹ năng quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; phối hợp cha mẹ học sinh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy, học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.

+ Tận dụng tối đa nền tảng trực tuyến triển khai có hiệu quả các hoạt động như: hướng dẫn học sinh tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh, kiểm tra đánh giá.

+ Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học sinh, triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia Cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử của Ngành Giáo dục; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng trong nhà trường; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ website Bộ, chuyên mục “Hỗ trợ dạy học trực tuyến”.

- Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các cơ sở giáo dục.

- Thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, trường học thông minh) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của nhà trường.

2.3. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục

Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số và làm công tác thống kê. Thực hiện công tác rà soát kỹ và nhập đầy đủ thông tin liên quan; kiểm tra, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến gồm: tổ chức và quản lý lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e- learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học.

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhà trường; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu Ngành Giáo dục.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

2.4. Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong Ngành Giáo dục trong nhà trường.

2.5. Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học và Nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2.6. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet trong nhà trường.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên. Đảm bảo dung lượng các đường truyền đảm bảo việc thực hiện các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet phải ổn định, đáp ứng yêu cầu truy cập với dung lượng cao trong các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2.7. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động giáo dục đào tạo và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

3. Giải pháp triển khai và cải tiến nâng cao chất lượng thực hiện bộ chỉ số

3.1. Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo các nội dung và tiêu chí trong Bộ chỉ số.

3.2. Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp của đơn vị để nâng mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí trong Bộ chỉ số. Thực hiện các tiêu chí có tính chất thiết yếu, cần thiết cho nhu cầu trong từng giai đoạn.

3.3. Đối với việc triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý giáo dục và dạy học trực tuyến, hợp tác với các nhà cung cấp có uy tín cao, có đủ

năng lực tài chính và năng lực công nghệ để hợp tác tốt cho giai đoạn từ năm 2024 đến 2030.

3.4. Triển khai các ứng dụng trực tuyến, có khả năng kết nối và trao đổi thông tin với các hệ thống thông tin khác (thông qua các API) của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai và theo kế hoạch chuyển đổi số của ngành.

3.5. Triển khai các giải pháp và ứng dụng miễn phí, mã nguồn mở, có cộng đồng người sử dụng đông đảo.

3.6. Công khai mức thu phí dịch vụ của giáo viên, học sinh (nếu có) trên cổng thông tin điện tử.

3.7. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kế hoạch, kết quả và các vấn đề phát sinh khi triển khai các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý giáo dục, dạy và học.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học; thường xuyên tổ chức cập nhật minh chứng; tổ chức tự đánh giá từng nhóm tiêu chí theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Lãnh chỉ đạo thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trường THPT An Nhơn Tây giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách, thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trường THPT An Nhơn Tây giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh; triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh.

- Chỉ đạo Kiểm tra, rà soát, quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng đáp ứng chuyển đổi số (I.1.):

- + Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu; thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học (1); Đáp ứng yêu cầu dạy học tối thiểu (2); Có phòng Studio gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử (3); Có phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành hiện đại (4); Có trang bị hạ tầng thiết bị phần mềm cho thư viện gồm thư viện có kết nối internet và giải pháp thư viện thông minh (5).

- + Đường truyền, băng thông đáp ứng nhu cầu sử dụng trong trường học (1.2): có giải pháp an toàn thông tin mạng; Internet đáp ứng cho khu hành chính và lớp học với đường truyền đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng của khu hành chính và học sinh toàn trường cùng lúc:

- * Router: tốc độ truyền tải ít nhất 10 Gbps.

- * Switch: tốc độ truyền tải: 1Gbps hoặc hơn. - Bộ phát Wifi:

- * Loại bộ phát WiFi: Chuẩn 802.11ac Wave 2 hoặc mới hơn.

- * Số băng tần: 2 băng tần (2.4 GHz và 5 GHz) .
- * Tốc độ tối đa: 1.3 Gbps (2.4 GHz) 5.3 Gbps (5 GHz) hoặc cao hơn
- * Băng thông Internet: 1 Gbps hoặc hơn.
- Triển khai dịch vụ tuyển sinh trực tuyến đầu cấp (3.6.2)
- Triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

(3.6.3)

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị (TC 3.5).

- Chỉ đạo cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Giáo dục (CSDL) theo hướng dẫn và công bố trên cổng thông tin của đơn vị sau khi có quyết định công nhận hàng năm. Cập nhật các địa chỉ lưu trữ học liệu cho các tổ chuyên môn và văn phòng

- Tổ chức sơ kết, tổng kết theo từng học kỳ, năm học.

2. Phó Hiệu trưởng phụ trách mảng chuyển đổi số trong dạy, học và mảng chuyển đổi số trong quản trị giáo dục (Bộ chỉ số II, III):

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức, điều hành dạy học trực tuyến (TC 2.1).

- Xây dựng Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (TC 2.2).

- Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS <https://megaschool.edu.vn> (TC 2.3) có kết nối với cơ sở dữ liệu Ngành với các chức năng (TC 2.4) : (2.4.1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2.4.2) Giáo viên trả lời, giải đáp các câu hỏi của học sinh; (2.4.3) Tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên; (2.4.4) cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh; (2.4.5) Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp; (TC 2.5) Xây dựng kho học liệu được số hóa, được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu phê duyệt; (2.6.1) Có tổ chức triển khai, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN; (2.6.2) có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường;

- Phát triển nguồn nhân lực số (TC 2.7) ứng tỉ lệ nhân sự được bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hàng năm (2.7.1), Tỉ lệ giáo viên khai thác, sử dụng các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy (2.7.2), Tỉ lệ giáo viên có thể sử dụng học liệu để xây dựng bài giảng số/hoạt động giáo dục số (2.7.3).

- Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (TC 3.1);

- Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục hàng năm của nhà trường (TC 3.2).

- Triển khai phần mềm quản trị nhà trường có kết nối với cơ sở dữ liệu Ngành (TC 3.3).

- Giám sát tỉ lệ xác thực dữ liệu học sinh, nhân sự với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt tỉ lệ tối thiểu 99% (TC 3.4).

- Triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ (TC 3.5): Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) <https://csdl.hcm.edu.vn/>; Phân hệ quản lý đội ngũ CNVCNV <https://csdlcbccvc.tphcm.gov.vn/>; Phân hệ quản lý cơ sở vật chất <https://thietbi.hcm.edu.vn/>; Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh <https://csdl.hcm.edu.vn/>; Phân hệ cổng thông tin điều tử có danh mục công khai theo quy định <https://thptannhontay.hcm.edu.vn/>; Sổ điểm số, học bạ số <https://truong.hcm.edu.vn/>

- Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (3.6.1): <https://truong.hcm.edu.vn/> (eNetviet)

- Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của tổ chuyên môn, của giáo viên.

- Thẩm định, phê duyệt các bài giảng của giáo viên đã xây dựng trên hệ thống.

- Xây dựng đường link báo cáo kết quả chuyển đổi số trong dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá, xây dựng kho học liệu số đối với các tổ chuyên môn, giáo viên.

3. BCH Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động các thành viên của tổ chức mình tích cực nghiên cứu các văn bản chuyển đổi số, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số trong nhà trường.

4. Tổ trưởng chuyên môn

- Nghiên cứu kỹ nhóm tiêu chí “1. Chuyển đổi số trong dạy, học” chuẩn bị các minh chứng, cập nhật các học liệu số, đề thi, đề kiểm tra cũng như các văn bản tổ nhóm vào địa chỉ được quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá, xây dựng kho học liệu số của tổ chuyên môn.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch, thống nhất nội dung giảng dạy trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS <https://megaschool.edu.vn/>.

- Triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng cho các thành viên thực hiện và bộ phận hỗ trợ trong tổ.

- Thẩm định, phê duyệt các học liệu số (bài giảng tương tác, ngân hàng câu hỏi...) trước khi chuyển lên cho bộ phận chuyên môn của trường.

- Thực hiện Báo cáo kết quả chuyển đổi số trong dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá, xây dựng kho học liệu số theo đường link được cung cấp dành cho tổ chuyên môn.

5. Tổ văn phòng

- Không ngừng nghiên cứu, tự học, tự trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ, nhận thức của bản thân trong việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của mình.

- Thực hiện công tác tuyên truyền tới các thành viên trong tổ về chuyển đổi số; đôn đốc, kiểm tra, nhắc nhở thực hiện tốt các nhiệm vụ trong kế hoạch bộ chỉ số chuyển đổi số theo chức trách nhiệm vụ của mình.

6. Giáo viên

- Thực hiện chuyển đổi số trong dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá, tham gia xây dựng kho học liệu số của tổ chuyên môn.

- Giáo viên bộ môn chủ động hàng tháng xây dựng các nguồn học liệu số và tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp LMS <https://megaschool.edu.vn> nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và đổi mới phương pháp dạy - học theo yêu cầu của ngành.

- Xây dựng các học liệu số (bài giảng tương tác, ngân hàng câu hỏi, bài kiểm tra...) theo đúng yêu cầu như Hướng dẫn.

- Thực hiện Báo cáo kết quả chuyển đổi số trong dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá, xây dựng kho học liệu số theo đường link được cung cấp dành cho giáo viên.

7. Cán bộ phụ trách công nghệ thông tin

- Thu thập minh chứng ứng với các tiêu chí của Bộ chỉ số đánh giá mức chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quản lý các phần mềm quản trị nhà trường.

- Hỗ trợ giáo viên khi giáo viên gặp khó trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

Trên đây là Kế hoạch triển khai, phân công thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Trường THPT An Nhơn Tây./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Sở Giáo dục (để báo cáo);
- Phòng CTTT Sở Giáo dục (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để thực hiện);
- TTCM, TTVP (để thực hiện);
- BCH CĐCS, TLTN, BT CĐGV (để thực hiện);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hoa Huệ